

Số: **03** /2021/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày **20** tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất;

Căn cứ Thông tư số 77/2014/TT-BTC ngày 16 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 áp dụng trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn như sau.

1. Đối với nhóm đất nông nghiệp (bao gồm: Đất chuyên trồng lúa nước (LUC), đất trồng lúa nước còn lại (LUK), đất trồng lúa nương (LUN), đất bằng trồng cây hàng năm khác (BHK), đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK), đất trồng cây lâu năm (CLN), đất rừng sản xuất (RSX), đất nuôi trồng thủy sản (NTS)) tại Bảng giá đất 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành

kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Các vị trí có hệ số điều chỉnh giá đất >1 gồm:

- Đất nương rẫy trồng cây hàng năm khác (NHK) "Mục II.3.4" tại các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê thuộc huyện Ba Bể bằng 1,08;

- Đất rừng sản xuất (RSX) "Mục IV.3" tại các xã: Cao Thượng, Đồng Phúc, Hoàng Trĩ, Nam Mẫu, Quảng Khê thuộc huyện Ba Bể bằng 1,13;

- Đất trồng lúa nước còn lại (LUK) "Mục II.1.1" tại xã Bộc Bó thuộc huyện Pác Nặm bằng 1,09.

b) Các vị trí đất còn lại: có hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0.

2. Đối với nhóm đất phi nông nghiệp (bao gồm: đất ở tại đô thị, đất ở tại nông thôn, đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - tại đô thị) tại Bảng giá đất 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Các vị trí có hệ số điều chỉnh giá đất >1 gồm:

- Đất ở tại nông thôn vị trí đất thuộc khu tái định cư Bản Bung của dự án Hồ chứa nước Nặm Cát tỉnh Bắc Kạn thuộc các khu vực còn lại xã Dương Quang (mục IX.14) thành phố Bắc Kạn và đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - tại đô thị tại vị trí nêu trên bằng 1,25.

- Đất ở tại nông thôn thuộc các tuyến đường trục thôn, đường liên thôn; đất ở tại nông thôn trên địa bàn xã Thanh Thịnh (mục IX.1.1) huyện Chợ Mới và đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - tại đô thị tại vị trí nêu trên bằng 1,19.

- Đất ở nông thôn còn lại các xã Cao Kỳ, Hòa Mục, Nông Hạ (Mục IX.6.2) huyện Chợ Mới và đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - đô thị và đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp không phải là đất thương mại, dịch vụ tại nông thôn - tại đô thị tại vị trí nêu trên bằng 1,18.

b) Các vị trí đất còn lại: có hệ số điều chỉnh giá đất bằng 1,0.

Điều 2. Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2021 được áp dụng cho tất cả các loại đất tại Bảng giá đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ban hành kèm theo Quyết định số 06/2020/QĐ-UBND ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn; là căn cứ để xác định giá đất cụ thể áp dụng đối với các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 18 Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 3 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ

sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai); điểm c, khoản 3, Điều 3 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền sử dụng đất và khoản 5 Điều 4 Nghị định số 46/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về thu tiền thuê đất, thuê mặt nước (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 1 Điều 3 Nghị định số 123/2017/NĐ-CP ngày 14/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định về thu tiền sử dụng đất, thu tiền thuê đất, thuê mặt nước); Khoản 2, Khoản 3 Điều 101, Khoản 4 Điều 102 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ.

Điều 3.

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 01 năm 2021.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, Quyết định số 15/2020/QĐ-UBND ngày 22 tháng 9 năm 2020 của UBND tỉnh Bắc Kạn Quy định hệ số điều chỉnh giá đất (K) năm 2020 trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn hết hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở; Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh; Cục trưởng Cục Thuế; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

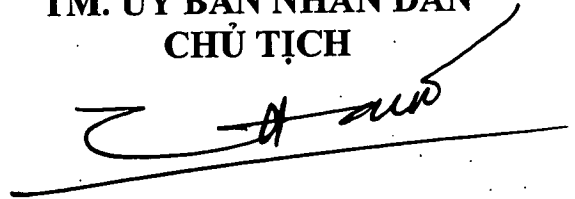
Gửi bản giấy:

- Văn phòng Chính phủ;

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 4 (T/h);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục kiểm tra VB – Bộ Tư pháp;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- LĐVP;
- Lưu VT, NC-TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Long Hải